TÒA ÁN NHA DA **HUYỆN B** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 288/2019/QĐST-HNGĐ	*B, ngày 13 tháng 8 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHA DA HUYỆN B – TỈNH BẾN TRE

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Vũ

Các Hội thẩm nhA dA:

1. Ông Mai Văn Hải

2. Ông Ngô Văn Đức

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Thu VA – Thư ký Tòa án nhA dA huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhA dA huyện B, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Kim Chúc – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhA dA huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 208/2019/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2019 về việc: "*Yêu cầu ly hôn, nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Hoàng A, sinh năm 1990 (có mặt)

Địa chỉ: ấp P1, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn*: Anh Ngô Sơn A1, sinh năm 1991 (có mặt)

Địa chỉ: số 98B Hoàng Hoa Thám, khu phố B1, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/4/2019 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hoàng A trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Ngô Sơn A1 cưới nhau năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B (huyện B – tỉnh Bến Tre) vào ngày 11/9/2017, hôn

nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, chị và anh A1 sống không hạnh phúc, nguyên nhân do anh A1 nghiện rượu, đánh bài, đá gà, cờ bạc, không lo cho gia đình. Dù chị đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh A1 vẫn không thay đổi được nên vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 8/2018 đến nay. Trong thời gian ly thân, chị và anh A1 cũng không có tới lui để tạo cơ hội hàn gắn. Nay chị nhận thấy không còn tình cảm với anh A1 và hôn nhân giữa anh chị cũng không có khả năng hàn gắn nên chị yêu cầu ly hôn với anh Ngô Sơn A1.

Về con chung: Chị và anh A1 có một con chung tên là Ngô Tấn Đ, sinh ngày 16/7/2016 hiện đang sống với anh A1. Khi ly hôn, chị đồng ý để cháu Đ cho anh A1 tiếp tục nuôi dưỡng và chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

Nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/5/2019 của Tòa án, bị đơn anh Ngô Sơn A1 trình bày:

Về hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Hoàng A.

Về con chung: Anh đồng ý là anh và chị A có 01 con chung tên Ngô Tấn Đ, sinh ngày 16/7/2016 hiện đang do anh nuôi dưỡng. Nay ly hôn, anh xin để cháu Đ cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng và anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Tài sản chung: không có.

Nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa:

- Chị Nguyễn Thị Hoàng A trình bày: Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Ngô Sơn A1. Về con chung: Chị đồng ý trực tiếp nuôi cháu Ngô Tấn Đ, sinh ngày 16/7/2016 và tự nguyện không yêu cầu anh A1 cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung: Không có. Nợ chung: không có. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị A đồng ý nộp.

- Anh Ngô Sơn A1 trình bày: Anh đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Hoàng A. Về con chung: Anh đồng ý để cháu Ngô Tấn Đ, sinh ngày 16/7/2016 cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng và anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 750.000đ (bảy trăm năm mươi ngàn đồng) đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày 13/8/2019. Tài sản chung, nợ chung: không có.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

- Về thủ tục: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nhận thấy trong quá trình tố tụng, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử.

- Về nội dung: nhận thấy tại phiên tòa, hai bên thuận tình ly hôn và thỏa thuận được các vấn đề của vụ án. Do đó, căn cứ vào Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận trên.

Từ các lời trình bày trên;

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày và sự thỏa thuận của các bên tại phiên tòa sơ thẩm.

Xét thấy, tại phiên tòa sơ thẩm, chị A và anh A1 đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án và sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử công nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 213, 246 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hoàng A và anh Ngô Sơn A1. Giấy chứng nhận kết hôn số 70 ngày 11/9/2017 của Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre chấm dứt kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Hoàng A được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngô Tấn Đ, sinh ngày 16/7/2016. Ghi nhận anh A1 tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 750.000đ (bảy trăm năm mươi ngàn đồng) đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày 13/8/2019.

Anh Ngô Sơn A1 được quyền thăm nom con chung không ai được cản

trở. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3 Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: không có.

5. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) chị Nguyễn Thị Hoàng A tự nguyện nộp và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0001966 ngày 03/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND thị trấn B (B – Bến Tre);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Chí Vũ